SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3403* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Vạn Gia
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3403
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 02:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không có mùi, vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 5,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Hàm lượng Amoniac (NH_3)	mg/L	KPH	≤ 3,0	SMEWW 4500-NH_3C	0,021
6	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,06	≤ 0,5	TCVN 6177:1996	0,03
7	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,8	≤ 4,0	TCVN 6186:1996	0,3
8	Độ cứng toàn phần*	mg/L	12	≤ 350	TCVN 6224:1996	5,0
9	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 300	TCVN 6194:1996	5,0
10	Hàm lượng Florua	mg/L	0,32	≤ 1,5	SMEWW 4500 – F-	0,1
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	KPH	≤ 0,01	TCVN 6626:2000	0,003
12	*Coliform*	MPN/100mL	KPH	50	TCVN 6187-2:2009	
13	*E.coli*	MPN/100mL	KPH	0	TCVN 6187-2:2009	

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 403 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
		K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 -------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: ~~3403.1~~ */KSBTQN*

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý giếng số 3
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3403
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 02:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không có mùi, vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 5,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Hàm lượng Amoniac (NH_3)	mg/L	KPH	≤ 3,0	SMEWW 4500-NH_3C	0,021
6	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,06	≤ 0,5	TCVN 6177:1996	0,03
7	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,8	≤ 4,0	TCVN 6186:1996	0,3
8	Độ cứng toàn phần*	mg/L	12	≤ 350	TCVN 6224:1996	5,0
9	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 300	TCVN 6194:1996	5,0
10	Hàm lượng Florua	mg/L	0,32	≤ 1,5	SMEWW 4500 – F-	0,1
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	KPH	≤ 0,01	TCVN 6626:2000	0,003
12	*Coliform*	MPN/100mL	KPH	50	TCVN 6187-2:2009	
13	*E.coli*	MPN/100mL	KPH	0	TCVN 6187-2:2009	

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No:[1] /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL): MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 -------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3482 ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý Liên Hòa
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 20/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1210.3482
Thời gian kiểm nghiệm: 20/12 - 30/12/2019
Ngày trả kết quả: 30/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 02:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không có mùi, vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 5,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Hàm lượng Amoniac (NH_3)	mg/L	KPH	≤ 3,0	SMEWW 4500-NH_3C	0,021
6	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,06	≤ 0,5	TCVN 6177:1996	0,03
7	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,8	≤ 4,0	TCVN 6186:1996	0,3
8	Độ cứng toàn phần*	mg/L	12	≤ 350	TCVN 6224:1996	5,0
9	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 300	TCVN 6194:1996	5,0
10	Hàm lượng Florua	mg/L	0,32	≤ 1,5	SMEWW 4500 – F-	0,1
11	Hàm lượng Asen (As)	mg/L	KPH	≤ 0,01	TCVN 6626:2000	0,003
12	*Coliform*	MPN/100mL	KPH	50	TCVN 6187-2:2009	
13	*E.coli*	MPN/100mL	KPH	0	TCVN 6187-2:2009	

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/No: ***/KSBTQN***

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3467 */KSBTQN*

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Đinh Văn Quyền Thôn 1 Quảng Chung - Hải Hà
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3467
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	32	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	3,27	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	2,6	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/No: 3467 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3397 ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân phường Ka Long - SN 23 Yết Kiêu phường KaLong
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3397
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	10	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,27	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,9	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ No: 5397 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3398* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước tăng áp Hòa Lạc
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3398
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	10	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	5,7	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,29	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,9	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 398 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/
Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3399* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Kim Tinh
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3399
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,8	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	16	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	5,7	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,32	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,9	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ N9399 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Thủ trưởng đơn vị

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3400* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước cấp KCN Techong
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3400
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,8	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	16	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	5,7	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,32	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,9	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No 3400 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/
Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: ***3401*** ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Hải Hà
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3401
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,8	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	10	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,05	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,38	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 5401 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3402* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Hải Xuân
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3402
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,8	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	14	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	10	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,14	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 5402 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/
Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3486* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Nguyễn Thanh Lịch – Xóm 8 Liên Hòa — Mã số mẫu: 1912.1210.3486
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	28	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,04	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,84	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	4,5	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ No: 486 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3484* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Vũ Anh Tuấn – Khu 2 Phong Cốc
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1210.3484
Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	22	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	5,7	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,08	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,22	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	7,0	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "O ne door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ No484 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3482* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Số 259 – Nguyễn Bình Quảng Yên — Mã số mẫu: 1912.1210.3482
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	24	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	8,5	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,78	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	3,5	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ No: 3482 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3483* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý phong Cốc
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1210.3483
Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	26	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,15	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,73	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	3,3	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No:483 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3491* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý Quảng yên
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1210.3491
Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	24	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,51	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ 8491 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3442* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Khu nhà nghỉ Tuấn Túphường Cẩm Phú — Mã số mẫu: 1912.1203.3442
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	1,6	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	200	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	7,1	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,2	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,13	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	4,72	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	42	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,4	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No:42 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3435* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Dương Huy — Mã số mẫu: 1912.1203.3435
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,6	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	48	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	17	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,1	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,75	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	2,9	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3435 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3436* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Tiêu Thị Lanh Tổ 3 Khu Tân Lập 1P. Cẩm Thủy
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1203.3436
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	192	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,2	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,11	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,62	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	39	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/34:6 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	**Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3443* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân SN 808 tổ 102 Khu 10 A P. Cửa Ông — Mã số mẫu: 1912.1203.3443
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	174	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	7,1	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,2	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,15	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,55	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	3,6	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/3443 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/
Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3444* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Trần Thị Minh Tổ 50 Khu Minh tiến B P. Cẩm Bình
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1203.3444
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	192	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	5,7	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,2	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,16	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,71	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	38	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,6	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ 3444 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3445* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Nguyễn Bỉnh Lai – 29G – P. Cẩm Thịnh — Mã số mẫu: 1912.1203.3445
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	184	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	7,1	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,2	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,14	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,92	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	16	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,9	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ 3445 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3434* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước văn phòng NMN Diễn Vọng
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1203.3434
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	180	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	5,7	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,2	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,18	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,72	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	44	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ N434 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3433* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Diễn Vọng — Mã số mẫu: 1912.1203.3433
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,8	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	144	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,1	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,17	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,63	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	11	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No.3433 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3446 ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Nguyễn Văn Bốn Thôn Đồng Tiến – Đông Xá – Vân Đồn
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1203.3446
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		5,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	KPH	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	4,35	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/34446 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3448* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý lộ 3 Vân Đồn — Mã số mẫu: 1912.1203.3448
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,6	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	22	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	5,7	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,52	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	2,9	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No.:48 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3474* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý Đông triều — Mã số mẫu: 1912.1210.3474
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,8	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	26	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	11	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	8,46	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	1,8	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ No: 3474 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3475* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân SN 485 Cầu Đất, P. Đức Chính — Mã số mẫu: 1912.1210.3475
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	28	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	11	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	7,7	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	3,5	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 475 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3476* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau XL NMN Miếu Hương
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1210.3476
Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,6	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	110	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	8,5	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,98	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	68	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3476 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3478* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Nguyễn Văn Đài – P. Mạo Khê — Mã số mẫu: 1912.1210.3478
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	110	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	7,1	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,08	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,31	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	3,9	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ No:3478 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3404* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Tiên Yên — Mã số mẫu: 1912.1194.3404
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	8	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,08	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,45	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3404 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3405* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Tô Thị Lương P. Tam Thịnh thị trấn Tiên Yên
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3405
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	8	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,06	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,26	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 405 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thử trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: ***3406*** ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Ba Chẽ
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3406
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	30	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,07	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,23	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3406 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3407* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Hoàng Văn Lầu Khu 1 thị trấn Ba Chẽ — Mã số mẫu: 1912.1194.3407
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		9,0	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	48	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,07	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,18	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 407 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3408* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Đầm Hà — Mã số mẫu: 1912.1194.3408
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	16	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	11	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,68	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3408 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
		KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: ***3409*** ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân số 160 phố Lý A Cỏong thị trấn Đầm Hà — Mã số mẫu: 1912.1194.3409
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	11	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	16	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,07	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,84	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	Coliform	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 9409 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3452* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước khu FLC
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3452
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	130	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	20	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,1	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,11	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,23	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	1,9	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 452 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3453 */KSBTQN*

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước khu cá heo
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3453
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,0	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	94	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	21	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,1	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,08	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,21	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	23	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/No: 3453 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3465* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Tổ 3 Khu 2 phường Hồng Gai
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3465
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,8	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	164	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,08	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,08	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	4,94	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	2,6	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 5465 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3381* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân phường Hồng Hải - SN 3 ngách 3 ngõ 23 — Mã số mẫu: 1912.1194.3381
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	1,0	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	200	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	24	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,1	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,15	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,44	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	39	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,48	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 5381 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3382 ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân phường Hà Lầm - SN 527 T1 Khu 1 Hà Lầm
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3382
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	1,0	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,6	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	190	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	70	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,23	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,95	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	53	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3382 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3383* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân phường Hà tu - SN 591 Vũ Văn Hiếu — Mã số mẫu: 1912.1194.3383
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	208	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	18	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	0,1	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,15	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,74	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	30	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No3383 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3480* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước văn phòng xí nghiệp nước Uông Bí - nước hộ dân phường Quang Trung
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1210.3480
Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
3	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
4	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	24	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
5	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
6	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
7	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
8	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,08	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
9	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
10	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	3,3	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
11	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
12	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
13	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3480 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
TCVN 5502:2003						
14	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị lạ	PP cảm quan	

Kiểm nghiệm viên/
Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

K/T GIÁM ĐỐC
Thủ trưởng đơn vị
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3479* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau XL Đồng Mây — Mã số mẫu: 1912.1210.3479
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	24	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,41	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	10	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No3479 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3481* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân Bùi Văn Thiết – Thôn 1 – Phương Nam — Mã số mẫu: 1912.1210.3481
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	24	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,3	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	3,4	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ No: 481 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3487 ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Yên Lập
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 09/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1210.3487
Thời gian kiểm nghiệm: 09/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,2	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	20	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	0,34	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,99	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	4,8	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,4	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ 3487 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3388* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Đồng Ho
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3388
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	40	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	5,7	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,97	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ Nos 3588 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

3389

Số/ No: ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân thị trấn Trới Nước hộ dân Nguyễn Văn Cầm T4- K1 TT Trới
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3389
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	44	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	3,05	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/No: 3389 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	K/T GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH **Vũ Quyết Thắng**

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3390* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Đồng Đăng
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3390
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	34	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	2,1	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 390 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: ~~3391~~ ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân phường Hà Khẩu - SN 659 tổ 2 khu 1 P.Hà Khẩu
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3391
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	26	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,69	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3591 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/
Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3392* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước bể chứa trạm bơm TA Lâm Sinh
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3392
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		6,8	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	22	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,55	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,5	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ No: 3392 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/
Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3393* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân phường Bãi Cháy - P26 tổ 1 khu 1
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3393
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	34	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	0,09	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	0,4	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No 3893 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3394* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước hộ dân phường Việt Hưng - SN 48 tổ khu 7 P. Việt Hưng
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3394
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	30	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	2,15	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3394 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên	Trưởng khoa Hóa sinh	Thủ trưởng đơn vị
Bùi Thanh Liêm	Hoàng Thị Phượng	Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3395* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước sau xử lý NMN Hoành Bồ — Mã số mẫu: 1912.1194.3395
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019 — Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu: — Ngày trả kết quả: 24/12/2019
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	32	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,07	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}-E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: 3395 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

VILAS 474

Số/ No: *3396* ***/KSBTQN***

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

(TEST REPORT)

(Phiếu kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử, Tên mẫu và tên cơ sở gửi mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng)
(This test report is valid for the submitted sample(s) only, the name of the sample and the customer are written as the customer's request)

1. Tên mẫu: Nước Hoành Bồ cấp về khu vực Hòn Gai
2. Ngày lấy/gửi mẫu: 05/12/2019
3. Thời gian lưu mẫu:
4. Nơi gửi mẫu: Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh
   Địa chỉ: 449 Nguyễn Văn Cừ, Hồng Hải, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
5. Kết quả kiểm nghiệm:

Mã số mẫu: 1912.1194.3396
Thời gian kiểm nghiệm: 05/12 - 24/12/2019
Ngày trả kết quả: 24/12/2019

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
QCVN 01:2009/BYT						
1	Độ màu	TCU	0	≤ 15	TCVN 6185:2008	5,0
2	Mùi vị		Không mùi vị	Không mùi vị	PP cảm quan	
3	Độ đục	NTU	KPH	≤ 2,0	TCVN 6184:2008	1,0
4	pH		7,4	6,5–8,5	TCVN 6492:2011	0-14
5	Độ cứng, tính theo CaCO3(*)	mg/L	32	≤ 300	TCVN 6224:1996	5,0
6	Hàm lượng muối Clorua*	mg/L	KPH	≤ 250	TCVN 6194:1996	5,0
7	Hàm lượng Sắt (Fe)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6177:1996	0,03
8	Hàm lượng Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	≤ 0,3	TCVN 6002:1995	0,02
9	Hàm lượng Nitrat (NO_3)*	mg/L	1,0	≤ 50	TCVN 6180:1996	0,036
10	Hàm lượng Nitrit (NO_2)*	mg/L	KPH	≤ 3,0	TCVN 6178:1996	0,01
11	Hàm lượng Sulphat (SO_4)	mg/L	KPH	≤ 250	SMEWW 4500-SO_4^{2-}E	1,5
12	Chỉ số Permanganat	mg/L	< 0,3	≤ 2,0	TCVN 6186:1996	0,3
13	*Coliform*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/ The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
QUANG NINH DEPARTMENT OF HEALTH
CENTERS FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION (CDC)
Head office: 651 LêThánhTông - Hạ Long – QuảngNinh
Tel: 0203.3825448 --------- Fax: 0203.3556620
Email: cdc.syt@quangninh.gov.vn
Website: http://www.quangninhcdc.vn

Số/ No396 /KSBTQN

Stt	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	GIỚI HẠN PHÁT HIỆN
14	*E.coli*	CFU/250mL	KPH	0	TCVN 6187-1:2009	1,0

Kiểm nghiệm viên/ Kiểm soát viên

Bùi Thanh Liêm

Trưởng khoa Hóa sinh

Hoàng Thị Phượng

Thủ trưởng đơn vị

K/T GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH QUẢNG NINH

Vũ Quyết Thắng

1. KPH: Không phát hiện (Nghĩa là nhỏ hơn MDL); MDL: Giới hạn định lượng tối thiểu của phương pháp
KPH:Not detected (That is less than MDL); MDL: The Method Detection Limit.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là các chỉ tiêu được công nhận VILAS/ Norms marked (*) are recognized by VILAS
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh/
The test report must not be quoted without the written approval of Quang Ninh CDC/
4. Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Bộ phận Một cửa./.
The test report is printed in to 02 documents: 01 document is given to customer, 01 document is stored at "One door" transaction unit./.